

Bản án số: 397/2020/HC-PT

Ngày 18/8/2020

V/v: “Khiếu kiện Quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Đỗ Đình Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 38/2020/TLPT-HC ngày 10 tháng 01 năm 2020, về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 27/2019/HC-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1964/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Vũ Quang L, sinh năm 1946; Địa chỉ: Ấp 11, xã B, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông L: Bà Lê Thị K (tên gọi khác là D), sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp 11, xã B, huyện T, tỉnh C - Văn bản ủy quyền ngày 09/9/2019 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L:

- Bà Quách Ngọc Lam, Luật sư của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (có mặt).

- Ông Ngô Ngọc Thành, Luật sư của Văn phòng luật sư Huỳnh Quốc thuộc Đoàn luật sư tỉnh C (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh C

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lý Minh V, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh C - Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2019. Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Chí T, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh C (có đơn xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị K (tên gọi khác Dung), sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp 11, xã B, huyện T, tỉnh C (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Vũ Quang L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 02/6/1993, UBND huyện T ra Quyết định số 40/QĐ-UB thu hồi 25.000m² đất ông Vũ Quang L đang sử dụng. Cấp lại cho ông L 6.500m² tại vị trí hướng nam (mặt tiền) giáp Kênh 500, hướng bắc (mặt hậu) giáp đất bị thu hồi; cấp cho Trường học 2.000m², còn lại 16.500m² cấp cho các hộ chính sách diện không đất. Ông L và bà K khiếu nại Quyết định số 40/QĐ-UB. Ngày 13/9/2006, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông L và bà K.

Không đồng ý với Quyết định số 14/QĐ-UBND, ông L khiếu nại. Ngày 06/3/2007, Chủ tịch UBND tỉnh C ban hành Quyết định số 19/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông L.

Ngày 17/4/2009, ông L khởi kiện Quyết định số 14/QĐ-UBND và Quyết định số 19/QĐ-UBND ra Tòa án nhân dân tỉnh C. Ngày 27/4/2009, Tòa án nhân dân tỉnh C ban hành Thông báo số 09/TB-TA trả lại Đơn khởi kiện cho ông L với lý do: Khiếu kiện của ông L không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 17 Điều 11 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

Ngày 11/02/2014, Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định số 1261/QĐ-UBND cưỡng chế thi hành quyết định số 19/QĐ-UBND. Ngày 05/3/2014, tiến

hành cưỡng chế thi hành Quyết định số 19/QĐ-UBND.

Ngày 12/02/2019, ông L và bà K có đơn yêu cầu bồi thường công sức đầu tư đối với 18.500m² bị nhà nước thu hồi; Chi trả phần thiệt hại về cây trồng, tôm cá đang nuôi trên đất bị cưỡng chế thu hồi; Cấp quyền sử dụng đất diện tích 6.500m² tại vị trí hướng bắc (mặt tiền) giáp Kênh 10, hướng nam giáp đất bị thu hồi. Ngày 26/3/2019, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Văn bản số 691/UBND không chấp nhận những nội dung tại đơn yêu cầu ngày 12/02/2019 của ông L và bà K. Ngày 05/4/2019, ông L khiếu nại; ngày 05/6/2019, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Văn bản số 1343/UBND Giữ nguyên kết quả giải quyết tại Văn bản số 691/UBND ngày 26/3/2019.

Ngày 15/7/2019, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Văn bản số 691/UBND ngày 26/3/2019 và Văn bản số 1343/UBND ngày 05/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện T với lý do: Năm 1989 - 1990, vợ chồng ông L (ông L và bà K) được ông Trần Minh Châu - Trưởng ban nhân dân ấp thống nhất cho mượn 25.000m² đất của Trường học Kinh 10 canh tác. Năm 1993, UBND huyện T thu hồi 18.500m² nhưng không đề cập đến công sức cải tạo, bồi đắp cho gia đình ông; cưỡng chế thu hồi đất gây thiệt hại về vật nuôi, cây trồng trên đất cưỡng chế; Phải cấp 6.500m² đất tại vị trí hướng bắc (mặt tiền) giáp Kênh 10; Hướng nam (mặt hậu) giáp phần đất 18.500m² đất bị thu hồi, hướng đông giáp đất Huỳnh Văn Đạm, hướng Nam giáp đất Nguyễn Văn Tư chứ không phải tại vị trí như Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 13/9/2006.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 27/2019/HC-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh C đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 348; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Căn cứ khoản 8 Điều 2 Luật Khiếu nại. Căn cứ khoản 2 Điều 49; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Luật Đất đai 1987. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ khởi kiện của ông Vũ Quang L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Văn bản số 691/UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện T và Hủy Văn bản số 1343/UBND ngày 05/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/11/2019 ông Vũ Quang L kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Văn bản số 691/UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện T và Văn bản số 1343/UBND ngày 05/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện T.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông Vũ Quang L cho rằng: Ông Vũ Quang L đã sử dụng đất từ năm 1989, từ đó đến nay ông Vũ Quang L đóng thuế sử dụng đất hàng năm đầy đủ, đến năm 1993 UBND huyện T ban hành Quyết định số 40/QĐ-UB thu hồi đất, ông Vũ Quang L vẫn sử dụng đất và tiếp tục đóng thuế. Ông Vũ Quang L mượn đất do ông Châu - Trưởng ban nhân dân ấp giao là phù hợp với tình hình chung tại địa phương tại thời điểm này. Ông L đầu tư tiền bạc, công sức trên đất rất nhiều, nay yêu cầu bồi thường công sức đầu tư trên đất là thỏa đáng. Hơn nữa, ông Vũ Quang L là thương binh đi lại khó khăn nên ông yêu cầu giao diện tích đất vị trí giáp với mặt tiền là phù hợp. Đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của ông Vũ Quang L hủy hai Văn bản trên của Chủ tịch UBND huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau: Về thủ tục tố tụng, người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, nguồn gốc diện tích 25.000m² của Trường học, do gia đình ông Vũ Quang L khó khăn nên ông Châu là Trưởng ban nhân dân ấp cho mượn đất sản xuất. Nay Trường có nhu cầu sử dụng để xây lại trường, địa phương đã vận động thuyết phục nhưng ông Vũ Quang L không trả lại đất, nên năm 1993 UBND huyện T ban hành Quyết định số 40/1993/QĐ-UB thu hồi đất và giao lại cho ông Vũ Quang L 6.500m² đất để canh tác là phù hợp. Địa phương để cho ông L thu hoạch vật nuôi, cây trồng trả lại đất trong thời gian dài nhưng ông không thực hiện, đã bị cưỡng chế; UBND huyện T ban hành hai văn bản trên để giải quyết khiếu nại và trả lời cho ông Vũ Quang L đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông Vũ Quang L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

- Đơn kháng cáo của ông Vũ Quang L đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2019 của ông Vũ Quang L, Tòa án cấp

sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai” là đúng quan hệ tranh chấp; đối tượng bị khởi kiện là Văn bản số 691/UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh C và Văn bản số 1343/UBND ngày 05/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh C; thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh C được quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2]. Văn bản số 691/UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh C và Văn bản số 1343/UBND ngày 05/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh C được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 8 Điều 2 Luật khiếu nại; Điều 204 Luật đất đai 2013.

[3]. Xét tính hợp pháp Văn bản số 691/UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh C và Văn bản số 1343/UBND ngày 05/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh C thì thấy:

[3.1]. Ông Vũ Quang L xác nhận diện tích 25.000m² đất tọa lạc tại ấp 11, xã B, huyện T, tỉnh C là của nhà nước. Năm 1989, ông Trần Minh Châu là Trưởng ban nhân dân ấp cho ông Vũ Quang L mượn đất để sản xuất. Như vậy, việc ông Trần Minh Châu cho ông Vũ Quang L mượn đất để sản xuất là không đúng thẩm quyền, không đúng pháp luật.

[3.2]. Hộ gia đình ông Vũ Quang L có nhu cầu về đất để sản xuất nên UBND huyện T, tỉnh C đã giao 6.500m² đất sản xuất; còn lại 18.500m² đất, ngày 02/6/1993 UBND huyện T, tỉnh C ban hành Quyết định số 40/QĐ-UB thu hồi lại diện tích đất trên là có căn cứ.

[3.3]. Ông Vũ Quang L cho rằng diện tích đất 18.500m² bị thu hồi gia đình ông quản lý, tôn tạo làm tăng giá trị đất trong thời hạn 30 năm là chưa có căn cứ. Bởi vì, ông Vũ Quang L đã thừa nhận mượn đất năm 1989, phù hợp với lời khai của người cho mượn đất là ông Trần Minh Châu (BL: 01), đến năm 1993 UBND huyện T, tỉnh C ban hành Quyết định số 40/QĐ-UB thu hồi diện tích 18.500m² đất là khoảng 4 năm, việc ông Vũ Quang L không giao trả lại đất là lỗi của ông Vũ Quang L. Hơn nữa, theo trình bày của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người bị kiện thì khi UBND huyện T, tỉnh C giao 6.500m² cho ông Vũ Quang L cũng đã xem xét đến công sức, cải tạo đất của gia đình ông. Do đó, lời trình bày của các luật sư cũng như đơn kháng cáo của ông Vũ

Quang L yêu cầu bồi thường công sức, đầu tư làm tăng giá trị đất và vật nuôi, cây trồng trên đất là không có căn cứ.

[3.4]. Ông Vũ Quang L mượn đất với mục đích sản xuất và thực tế UBND huyện T, tỉnh C giao cho ông Vũ Quang L 6.500m² đất để sản xuất là phù hợp. Ông Vũ Quang L yêu cầu giao đất vị trí mặt tiền, đất giáp kênh 10 chạy dài đến hậu đất là không có căn cứ.

Do đó, Văn bản số 691/UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh C và Văn bản số 1343/UBND ngày 05/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh C trả lời, giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quang L là đúng pháp luật.

[4]. Từ phân tích trên, xét thấy cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Vũ Quang L là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Quang L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, bác kháng cáo của ông Vũ Quang L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Ông Vũ Quang L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm nhưng do ông Vũ Quang L thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Vũ Quang L; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm;

Căn cứ khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Căn cứ khoản 8 Điều 2 Luật khiếu nại. Căn cứ Điều 204 Luật đất đai 2013. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Vũ Quang L về việc yêu cầu: Hủy Văn bản số 691/UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh C và hủy Văn bản số 1343/UBND ngày 05/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh C.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Vũ Quang L được miễn.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Quang L được miễn.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 18/8/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- Cục THADS tỉnh C;
- Các đương sự (3);
- Lưu VP(6), HS(1) PTHH -15.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Văn Ý